

Số: 04/NQ-HĐKĐCLGD

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Quảng Bình

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng đã họp ngày 22/4/2018 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Quảng Bình. Hội đồng đã nghiên cứu Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Hội đồng đã nghe đại diện lãnh đạo Nhà trường báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đại diện Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt quy trình và tổng hợp kết quả đánh giá ngoài. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Quảng Bình với số phiếu tán thành là 10/10/11.

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu của phiên họp, Hội đồng:

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Đại học Quảng Bình đã thực hiện đánh giá chất lượng theo đúng các quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Quảng Bình cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 50 tiêu chí (trong tổng số 61 tiêu chí), chiếm 81,97%. Trong đó, tất cả các tiêu chuẩn đều có ít nhất 01 tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (Phụ lục 1)

2. Kết quả đánh giá cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh (Phụ lục 2), tuy nhiên cũng còn những điểm cần phải khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng kiến nghị với Nhà trường các giải pháp cải tiến chất lượng (Phụ lục 3).

3. Căn cứ theo Điều 27, Thông tư số 62/2012/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng kiến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng

nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Quảng Bình theo các quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

CHỦ TỊCH

(đã ký)

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

– ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. Đoàn Quang Vinh

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐNB)

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ (TĐG) VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI (ĐGN)

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN
Tiêu chuẩn 1:		
Tiêu chí 1.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 1.2	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 2:		
Tiêu chí 2.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 3:		
Tiêu chí 3.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.2	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 3.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chuẩn 4:		
Tiêu chí 4.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.3	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 5:		
Tiêu chí 5.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.7	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.8	Đạt	Đạt

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN
Tiêu chuẩn 6:		
Tiêu chí 6.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.8	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 6.9	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chuẩn 7:		
Tiêu chí 7.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.5	Chưa đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 7.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 8:		
Tiêu chí 8.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.3	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 9:		
Tiêu chí 9.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 9.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.9	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 10:		
Tiêu chí 10.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 10.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10.3	Đạt	Đạt

TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí trong từng tiêu chuẩn	Kết quả đánh giá			
		Đạt		Chưa đạt	
		Số tiêu chí	Tỉ lệ (%)	Số tiêu chí	Tỉ lệ (%)
Tiêu chuẩn 1	2	2	100	0	0
Tiêu chuẩn 2	7	6	85,71	1	14,29
Tiêu chuẩn 3	6	4	66,67	2	33,33
Tiêu chuẩn 4	7	5	71,43	2	28,57
Tiêu chuẩn 5	8	7	87,50	1	12,50
Tiêu chuẩn 6	9	7	77,78	2	22,22
Tiêu chuẩn 7	7	6	85,71	1	14,29
Tiêu chuẩn 8	3	3	100	0	0
Tiêu chuẩn 9	9	8	88,89	1	11,11
Tiêu chuẩn 10	3	2	66,67	1	33,33
Tổng	61	50	81,97	11	18,03

TỔNG HỢP

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/tổng số	50/61	11/61	0
Tỉ lệ %	81,97%	18,03%	0

PHỤ LỤC 2

CÁC ĐIỂM MẠNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHDN)

1) Sứ mạng và mục tiêu trường đại học

Sứ mạng của Nhà trường đã được chính thức ban hành lần đầu tiên theo Quyết định số 617/QĐ-ĐHQB ngày 10/4/2012 của Hiệu trưởng Nhà trường. Sau đó đã được chỉnh sửa vào các năm 2015, 2016. Tuyên bố sứ mạng của Nhà trường gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và khu vực. Mối quan hệ giữa Nhà trường và tỉnh Quảng Bình khá chặt chẽ và tỉnh Quảng Bình đã có những ủng hộ thiết thực cho sự phát triển của Nhà trường. Mục tiêu của Nhà trường được ban hành cùng với Quy chế tổ chức – hoạt động của Nhà trường. Các mục tiêu đã đề ra phù hợp với mục tiêu đào tạo cũng như sứ mạng đã công bố và đặc biệt được rà soát, bổ sung, điều chỉnh nhiều lần nên ngày càng hoàn chỉnh hơn.

2) Tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường và Hội đồng trường được xây dựng đúng quy định theo Luật GDDH và được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường và Quy chế hoạt động của Hội đồng trường, nêu rõ nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của các thành viên trong hội đồng cũng như mối quan hệ công tác giữa các bộ phận trong Nhà trường. Nhà trường đã ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban, cũng như quy chế tổ chức và hoạt động của các trung tâm trực thuộc. Hầu hết các quy chế, quy định của Nhà trường đã được thông báo đến mọi cán bộ, GV, SV và công khai rộng rãi trên trang web của Nhà trường. Trách nhiệm, quyền hạn giữa các đơn vị trong Nhà trường được phân định rõ ràng, cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý các mặt hoạt động của Nhà trường. Nhà trường đã có hệ thống các văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, kịp thời và đầy đủ, thể hiện trong các quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị chức năng, các trung tâm trực thuộc của Nhà trường. Hệ thống văn bản của Nhà trường được công bố rộng rãi dưới nhiều hình thức: qua phần mềm quản lý văn bản, thông báo đến từng đơn vị, cá nhân hoặc đăng tải trên trang web của Nhà trường. Công tác kiểm tra, rà soát các văn bản do Hiệu trưởng ban hành đến năm 2015 cũng đã được triển khai và danh mục các văn bản còn hiệu lực, cần thay thế hoặc điều chỉnh, bổ sung cũng đã được công bố. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân VC của Nhà trường được phân định rõ ràng, cụ thể qua các quy định về chế độ làm việc, nhiệm vụ và quyền hạn của GV, cũng như qua hợp đồng làm việc đối với cán bộ VC trong Nhà trường. Việc đánh giá thực hiện chức

năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao của GV, VC, NV được thực hiện theo định kỳ và đúng quy trình. Nhà trường đã thành lập nhiều hội đồng thực hiện các chức năng nhiệm vụ cụ thể, bao gồm Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng xét nâng lương trước thời hạn; Hội đồng tuyển dụng viên chức; ...) đảm bảo công tác bình xét thi đua, khen thưởng, tuyển dụng và các mặt hoạt động khác của Nhà trường. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường cũng được thành lập theo đúng quy định hiện hành, có xây dựng quy chế, có kế hoạch hoạt động, có quy trình đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết đã đề ra. Hàng năm, tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường đã tiến hành công tác tổng kết, đánh giá việc thực hiện các mặt hoạt động theo định kỳ, kịp thời phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cho thời gian đến. Tổ chức Đảng và các đoàn thể của trường hoạt động theo điều lệ, triển khai đầy đủ, kịp thời các chỉ đạo của cấp trên; tạo được sự đoàn kết, thống nhất cao trong đơn vị. Các hoạt động của tổ chức Đảng được đánh giá tốt, các tổ chức đoàn thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc được nhận nhiều hình thức khen thưởng từ các cấp, hội cấp trên. Nhà trường đã có đơn vị chuyên trách với các cán bộ được đào tạo và tập huấn về ĐBCLGD, có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức, quản lý và triển khai thực hiện công tác ĐBCL, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và quản lý văn bằng, chứng chỉ do Trường cấp. Công tác báo cáo định kỳ và không định kỳ của Nhà trường được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và đúng thời hạn với các cơ quan chủ quản, Bộ GD&ĐT về kết quả thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch công tác của Nhà trường cũng như theo yêu cầu của UBND và các cơ quan chức năng của tỉnh. Nhà trường đã có Quy chế công tác văn thư và lưu trữ, có kho lưu trữ văn bản tài liệu của từng đơn vị, có hạ tầng lưu trữ phù hợp. Đặc biệt Nhà trường đã có phần mềm quản lý văn bản tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu văn bản, tài liệu của các đơn vị, các cán bộ, GV và VC của Nhà trường.

3) Chương trình đào tạo

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện đào tạo 83 CTĐT hệ đại học, cao đẳng dưới các hình thức khác nhau. Ngoài hình thức đào tạo chính quy, Nhà trường có loại hình đào tạo: liên thông chính quy, liên thông VLVH, văn bằng 2, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn tương ứng với các bậc học. Từ khóa tuyển sinh năm 2017, các CTĐT của Nhà trường được chuyển đổi và tổ chức giảng dạy theo tín chỉ. Từ năm 2012, Nhà trường mở mới 08 ngành đào tạo trình độ đại học và 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng. Tất cả các CTĐT mở mới trong 5 năm trở lại được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Khi xây dựng CTĐT, Nhà trường có tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước thông qua các bảng đối sánh, hoặc có nghiên cứu CTĐT của một số trường

đại học có uy tín trên thế giới. Nhà trường cũng đã tham khảo ý kiến đóng góp của nhà chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, cũng như cựu sinh viên đã tốt nghiệp cùng ngành. Các CTĐT được thiết kế đảm bảo số tín chỉ theo quy định; cấu trúc các khối kiến thức về cơ bản đáp ứng được các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng tương ứng với mỗi cấp độ đào tạo. Với hệ đại học (đào tạo 4 năm, tổng số tín chỉ 130TC) khối ngành ngoài sư phạm, CTĐT bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, và khối kiến thức tự chọn (chiếm khoảng 10%), thực tập tổng hợp/thực tập tốt nghiệp (chiếm khoảng 8%), khóa luận tốt nghiệp hoặc một số môn học thay thế cho khóa luận tốt nghiệp (chiếm khoảng 5%). Đối với khối ngành sư phạm, CTĐT bao gồm khối lượng kiến thức đại cương, khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (chiếm khoảng 27%), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khối kiến thức bổ trợ tự chọn (chiếm khoảng 8%), khóa luận tốt nghiệp (chiếm khoảng 5%). Đối với hệ cao đẳng khối ngành kỹ thuật tổng số tín chỉ khoảng 95TC, bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ tự do, thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp. CTĐT hệ cao đẳng khối ngành sư phạm bao gồm các khối kiến thức: kiến thức đại cương, khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (chiếm khoảng 27%), kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khối kiến thức bổ trợ tự chọn (chiếm khoảng 4%), khóa luận tốt nghiệp (chiếm khoảng 5%). Cấu trúc của CTĐT đại học và cao đẳng tương đối hợp lý. Các CTĐT của Nhà trường đều có đầy đủ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra, nội dung chương trình... theo như quy định. Chuẩn đầu ra của các CTĐT cũng được ban hành và được công bố trên trang web của Nhà trường. Các CTĐT đều kèm theo các điều kiện đảm bảo chất lượng về đội ngũ GV, học liệu, CSVC theo quy định của Bộ GD&ĐT và được công khai trên trang web Trường. Cựu người học đánh giá đồng ý/rất đồng ý với cấu trúc CTĐT chiếm khoảng 90%. Cựu sinh viên cũng đánh giá cho rằng năng lực, kiến thức cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc (tỷ lệ đồng ý/rất đồng ý chiếm khoảng 70% với CTĐT hệ đại học và hệ cao đẳng). Hội đồng khoa cũng như một số nhà sử dụng lao động đánh giá cấu trúc CTĐT là hợp lý trong các cuộc họp thẩm định, thông qua CTĐT. Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn xây dựng, thiết kế CTĐT theo hướng đảm bảo liên thông dọc giữa các trình độ đào tạo và liên thông ngang với các chương trình đào tạo khác cùng trình độ. Các CTĐT của Nhà trường được thiết kế theo hướng liên thông dọc cho các ngành đúng, ngành gần và đảm bảo có sự kết nối kiến thức giữa các trình độ đào tạo cao đẳng và đại học. Tính liên thông ngang giữa các ngành trong Trường thể hiện qua việc thiết kế các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức chung giống nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho người học học cùng lúc hai chương trình hay học văn bằng 2. Nhà trường cũng đã đảm bảo đầy đủ về các điều kiện tổ chức CTĐT chính quy và thường xuyên. Nhà trường đã tiến hành thu thập ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CTĐT, chuẩn đầu ra, sự đáp ứng của

CTĐT với kỹ năng, kiến thức sinh viên đạt được thông qua phiếu khảo sát, tổ chức các hội thảo với sự tham gia của đại diện các tổ chức doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng, lãnh đạo các sở, ban, ngành trong tỉnh, các chuyên gia. Từ năm 2012 đến năm 2017, Nhà trường đều có tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT dựa trên ý kiến đóng góp của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, một số tổ chức khác...). Năm 2015, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá các CTĐT theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT. Trên cơ sở tự đánh giá CTĐT, Nhà trường đã thực hiện nhiều cải tiến CTĐT, chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết, hiệu chỉnh thời lượng một số môn học, bổ sung các môn học về kỹ năng, nghiệp vụ. Các lần hiệu chỉnh CTĐT đều có phân tích, sử dụng kết quả điều tra nhu cầu xã hội, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các bên liên quan. Năm 2017, Nhà trường đã triển khai đánh giá CTĐT, cải tiến và ký ban hành 21 CTĐT trình độ ĐH, 27 CTĐT trình độ CĐ và hơn 300 CTCT học phần.

4) Hoạt động đào tạo

Nhà trường có nhiều chương trình đào tạo với các hình thức đào tạo đa dạng (đại học/cao đẳng chính quy, cao đẳng liên thông chính quy/vừa làm vừa học, văn bằng 2). Nhà trường còn tổ chức các hình thức đào tạo như bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn, đào tạo theo đơn đặt hàng của các cơ quan/đơn vị; hợp tác đào tạo với một số trường ĐH Thái Lan, một số tỉnh của CHDCND Lào; liên kết đào tạo thạc sĩ. Để quản lý tốt công tác đào tạo, tăng cường tính khách quan, công bằng, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hệ đào tạo, bên cạnh việc sử dụng các quy chế của Bộ GD&ĐT, Nhà trường còn xây dựng một số quy định riêng về đào tạo như: Quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định về học cùng lúc hai chương trình; Quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ VLVH... Nhà trường đã xây hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi. Các quy định trong tổ chức thực hiện và phương pháp thực hiện kiểm tra đánh giá của các hệ đào tạo/các hình thức đào tạo là đồng nhất. Đến khóa tuyển sinh năm 2017, tất cả các CTĐT của Nhà trường được thực hiện theo học chế tín chỉ cho tất cả các loại hình đào tạo. Nhà trường đã sử dụng phần mềm phục vụ cho tổ chức và quản lý đào tạo, đáp ứng được yêu cầu của đào tạo theo tín chỉ. Khảo sát sinh viên tốt nghiệp hàng năm cho thấy công tác tổ chức đào tạo của Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, được thực hiện qua hai hình thức: tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy và hoạt động dự giờ chuyên môn của các khoa/bộ môn. Các hoạt động trên nhằm đánh giá kiến thức, phương pháp giảng dạy của giảng viên. Dựa trên kết quả đánh giá, các khoa đã tổ chức góp ý giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động và phương pháp giảng dạy phù hợp. Nhà trường hàng năm đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ viên chức, giảng viên; đã cử nhiều giảng viên tham dự các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, về phương pháp giảng dạy, về giáo dục

mầm non, về giảng dạy các môn lý luận chính trị, về giảng dạy giáo dục thể chất, về giảng dạy tiếng Anh... Các đề cương chi tiết quy định đầy đủ phương pháp kiểm tra đánh giá học phần: Điểm chuyên cần: điểm danh, quan sát; kiểm tra thường xuyên: bài tập, bài kiểm tra (viết-làm bài cáo); thi kết thúc học phần (viết-làm bài tập-báo cáo, tiểu luận) (trọng số 70%). Tỷ lệ trọng số các phần đánh giá phù hợp với các quy định. Việc đánh giá cuối khóa thông qua khóa luận tốt nghiệp. Nhà trường đã khảo sát ý kiến người học vừa tốt nghiệp và cựu sinh viên, khảo sát cựu sinh viên năm 2017, 95% cựu sinh viên đồng ý/rất đồng ý cho rằng các kỳ thi, kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng. Người học các hệ được thông báo kịp thời, đầy đủ về kết quả học tập theo như quy định trong quy chế. Các kết quả thi/kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được lưu trữ dưới dạng văn bản in và các tệp tin trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Tất cả các dữ liệu về người học được quản lý bằng phần mềm theo từng tài khoản của người học từ khâu đầu vào tuyển sinh, suốt quá trình đào tạo cho đến khi tốt nghiệp, dễ dàng tra cứu. Sinh viên và giảng viên được phân quyền truy cập vào phần mềm nói trên. Việc cấp phát văn bằng chứng chỉ được Nhà trường thực hiện theo các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Văn bằng và thông tin ghi trên văn bằng được cấp phù hợp quy định. Sổ cấp bằng được thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Thông tin về sinh viên tốt nghiệp được công bố công khai trên trang web của Nhà trường. Việc lưu trữ dữ liệu về hoạt động đào tạo bằng hệ thống văn bản in khá hoàn chỉnh. Nhà trường cũng có phần mềm phục vụ công tác đào tạo, quản lý, lưu trữ kết quả học tập, kết quả tốt nghiệp, học vụ, quyết định và danh sách sinh viên tốt nghiệp... Hệ thống cơ sở dữ liệu được quản lý khoa học và hệ thống, thuận tiện cho việc tra cứu và thống kê dữ liệu khi cần thiết. Nhà trường có các quy định về lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo; Quy định về lấy ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo; Quy định lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp và đã hoàn thành chương trình đào tạo. Từ năm học 2013 đến 2017, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tiến hành lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên (sau một năm tốt nghiệp, về tình hình thu nhập, việc làm và chương trình đào tạo...) và nhà tuyển dụng (về chương trình đào tạo và chất lượng sinh viên tốt nghiệp...). Ngoài việc lấy ý kiến bằng phiếu khảo sát, còn lấy ý kiến của nhà tuyển dụng và các tổ chức khác thông qua các hội nghị, hội thảo, các buổi ký kết hợp tác, tọa đàm... Sau khi khảo sát, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết, trong đó nêu rõ đơn vị chịu trách nhiệm tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo nhằm khắc phục những tồn tại dựa trên đóng góp của doanh nghiệp và cựu sinh viên.

5) Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên hằng năm; có ban hành kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng. Công tác quy hoạch và bổ nhiệm CBQL được thực hiện một cách rõ ràng, công khai, minh bạch theo quy trình, tiêu chí và kế hoạch đã được xác định cụ thể tại các văn bản quy định của tỉnh Quảng Bình và của Trường. Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo và ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở, tổ chức nhiều hình thức để tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của CBVC và SV về các hoạt động của Trường. Trong 05 năm qua, Nhà trường không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào. Nhà trường có quy định về hỗ trợ kinh phí cho CBVC tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước; có nhiều chính sách, biện pháp hỗ trợ, khen thưởng các hoạt động và công trình khoa học công nghệ. Đội ngũ GV cơ hữu của Trường có 195 người với tỷ lệ GV có trình độ từ thạc sĩ trở lên chiếm tỷ lệ trên 90%. Mỗi ngành đào tạo của Trường đều có đủ thành phần GV cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành; giảng viên được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo. Trong những năm qua, tỷ lệ trung bình SV/GV quy đổi toàn trường và các ngành đều đảm bảo theo quy định về điều kiện đảm bảo chất lượng. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có đủ số lượng và năng lực chuyên môn phục vụ các lĩnh vực hoạt động hiện tại của Trường. Trường có chính sách hỗ trợ về thời gian và kinh phí cho các kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ít nhất 01 lần trong 5 năm qua.

6) Người học

Nhà trường có cung cấp CTĐT và quy chế đào tạo đến sinh viên qua nhiều hoạt động và trên các kênh thông tin khác nhau. Người học được chăm sóc sức khỏe, được đảm bảo hưởng chế độ chính sách. Nhà trường có nhà tập đa năng và bãi tập để tạo điều kiện cho sinh viên hoạt động thể dục thể thao, văn hóa; có triển khai hiệu quả hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học thông qua tuần sinh hoạt công dân, các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, ... do ĐTN, HSV và các Phòng chức năng phối hợp tổ chức. Nhà trường đã có các biện pháp cụ thể hỗ trợ việc học tập, nâng cao kỹ năng NCKH và kỹ năng mềm của người học thông qua giảng viên chủ nhiệm, các chương trình ngoại khóa. Trung tâm HTSV&QHDN đã tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên. Cựu người học được khảo sát hàng năm về tình hình việc làm và tự tạo việc làm trong năm đầu tiên sau tốt nghiệp. Nhà trường đã ban hành Quy định và tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về chất lượng chương trình đào tạo.

7) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch hoạt động KHCN được xây dựng cho giai đoạn 05 năm cũng như đã ban hành chiến lược phát triển Trường ĐHQB giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Các văn bản về hoạt động KHCN của Nhà trường được phổ biến đầy đủ đến cán bộ GV, SV qua đường văn bản và công bố trên mục NCKH tại Website của Nhà trường. Việc triển khai kế hoạch hoạt động KHCN của Nhà trường được thực hiện chặt chẽ theo đúng quy trình khoa học, phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển của Nhà trường trên cơ sở Quy chế quản lý hoạt động KHCN đối với GV và SV cũng như chính sách hỗ trợ NCKH của Nhà trường. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ có quy định rõ mức kinh phí đối với đề tài NCKH cấp trường, thể hiện sự khác biệt giữa các đề tài thuộc lĩnh vực KHXX và KHTN. Kinh phí chi cho các hoạt động KHCN trong những năm qua đã có chiều hướng gia tăng. Trong giai đoạn 2012 - 2017, trung bình mỗi năm, Nhà trường đã có 15 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCI, SCIE, SSCI, Scopus. Trong đó 20 bài báo đã được đăng ở tạp chí chuyên ngành quốc tế loại SCI, 28 bài báo loại SCIE/SSCI, 28 bài báo được đăng ở Scopus. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có 203 bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Thành công này có được nhờ thành lập và phát huy tiềm lực của các nhóm nghiên cứu trong trường cho nhiều lĩnh vực khác nhau. Tất cả các đề tài NCKH các cấp đều được nghiêm túc đạt yêu cầu và được đánh giá có nhiều đóng góp mới cho sự phát triển KTXH của địa phương cũng như có kết quả ứng dụng ở nhiều lĩnh vực trong và ngoài Nhà trường. Kết quả là Nhà trường đã có nhiều thành tích xuất sắc trong lĩnh vực KHCN với các Giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền sáng chế cũng như Bằng lao động sáng tạo và giải thưởng KHCN các cấp. Nhà trường đã thành công trong việc thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học quốc tế và các hội thảo/hội nghị vừa mang lại nguồn thu cũng như tăng cường cơ sở vật chất. Nhiều hoạt động NCKH có liên quan chặt chẽ đến CTĐT, góp phần nâng cao năng lực của cán bộ GV và nghiên cứu viên của Nhà trường.

8) Hoạt động hợp tác quốc tế

Trong 5 năm qua, Trường đã ký kết nhiều biên bản ghi nhớ và thỏa thuận với các đối tác nước ngoài, đón tiếp 76 đoàn khách quốc tế với 603 lượt khách quốc tế, đã tổ chức 40 đoàn đi công tác, học tập, nghiên cứu, tham quan và khảo sát ở các nước. Trường có thống kê số liệu đầy đủ và làm đúng thủ tục quản lý đoàn ra đoàn vào theo từng năm. Cán bộ quản lý, giảng viên được cử đi nước ngoài đều về nước đúng hạn, không vi phạm pháp luật, các quy định, quy chế đối với cán bộ đi nước ngoài. Trường không có trường hợp nào vi phạm trong hoạt động hợp tác quốc tế trong thời gian nói trên. Thông qua chương trình hợp tác quốc tế, Trường đã cử nhiều cán bộ giảng viên và sinh viên đi đào tạo và bồi

dưỡng ở nước ngoài và đón nhiều giáo sư nước ngoài đến làm việc, hợp tác nghiên cứu, tổ chức hội thảo khoa học. Nhiều nghiên cứu sinh, thực tập sinh và tình nguyện viên cũng đến nghiên cứu, học tập và làm việc tại Trường. Nhà trường đã từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất và tăng cường năng lực của đội ngũ giảng viên và sinh viên ở cả khía cạnh chuyên môn, kỹ năng và học hiệu Trường Đại học Quảng Bình. Từ đó Nhà trường từng bước tiếp cận với chuẩn quốc tế về giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nhờ các hoạt động HTQT về NCKH, các giảng viên, nhà Khoa học của Nhà trường cùng các Giáo sư nước ngoài đã cùng hợp tác làm việc và đăng tải 76 công trình khoa học trên các tạp chí uy tín quốc tế.

9) Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Trung tâm học liệu của Trường được bố trí tại nhà 3 tầng rộng rãi, thoáng mát, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Trung tâm học liệu của Trường hiện có 12.444 đầu sách, báo, tạp chí với 98.630 bản và gần 1.000 file tài liệu nội sinh. Từ năm 2013 đến 2017, TTHL đã bổ sung được 1.466 đầu sách với hơn 7.567 bản sách. Tính trung bình mỗi năm học Thư viện bổ sung 293 đầu sách với hơn 1.513 bản sách và nhiều báo, tạp chí chuyên ngành phục vụ cho 4 ngành đào tạo Cao học; 20 ngành đào tạo Đại học và 29 ngành Cao đẳng. Năm 2017, Nhà trường đã mua bản quyền các cơ sở dữ liệu số cung cấp thêm giáo trình, sách tham khảo, cập nhật tài liệu, ưu tiên cho các mã ngành đào tạo mới. TTHL quản lý tài nguyên thư viện bằng phần mềm KOHA và Dspace giúp tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, lưu thông tài liệu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ. Tổng diện tích giảng đường lớp học là 14.670m², với quy mô 4.249 SV đang theo học, bình quân diện tích trên người học là 3,5 m²/SV đạt theo quy định; có ký túc xá cho người học; có đầy đủ trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao phục vụ sinh viên. Nhà trường có 75 phòng học, 03 giảng đường lớn, TTHL, 1 nhà đa chức năng, 51 phòng thực hành, thí nghiệm, 1 xưởng thực hành thực tập và 1 vườn thực nghiệm đáp ứng được nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Phòng làm việc cho cán bộ giảng viên và nhân viên; được trang bị các trang thiết bị tin học văn phòng phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã ban hành các văn bản về: PCCC, bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và SV; có phương án phối hợp chặt chẽ với CA và chính quyền địa phương trong công tác ANTT, bảo vệ tài sản, phòng chống thiên tai.

10) Tài chính và quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính có vai trò quan trọng đối với hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình. Trong những năm qua, Nhà trường đã có nỗ lực để huy động các nguồn tài chính hợp pháp đáp ứng yêu cầu hoạt động của Nhà trường. Công tác lập dự toán thu chi hàng năm và tổ chức quản lý tài chính theo đúng các quy định hiện hành. Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, có

điều chỉnh định kỳ với sự tham gia góp ý của CBVC toàn Trường. Nhà trường cân đối chi, thực hiện chi theo đúng Quy chế để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Trường trong điều kiện nguồn thu còn eo hẹp. Tình hình thu chi, trích lập các Quỹ đều được công khai minh bạch tại các Hội nghị CBVC hàng năm. Đặc biệt Nhà trường đã có nhiều biện pháp trong việc tin học hóa công tác tài chính nhằm thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước, chuẩn hóa, công khai và minh bạch.

PHỤ LỤC 3

CÁC KHUYẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐNB)

1) Sứ mạng và mục tiêu trường đại học

Nhà trường cần có kế hoạch quảng bá rộng rãi hơn nữa sứ mạng của mình đến các thành phần bên ngoài xã hội, để xã hội biết đến và giám sát Nhà trường. Đồng thời nên tham khảo ý kiến các bên liên quan nhiều hơn trong quá trình xây dựng Sứ mạng, Mục tiêu. Nhà trường cần xây dựng Chiến lược phát triển một cách khoa học hơn, có tính đến các nguồn lực cần huy động và các bước đi cụ thể để đạt được mục tiêu dài hạn đã công bố.

2) Tổ chức và quản lý

Nhà trường cần tiếp tục kiện toàn, phát huy vai trò và hoạt động của Hội đồng trường cũng như của các thành viên trong Hội đồng nhằm đề ra các quyết nghị kịp thời, hiệu quả hướng đến phát triển Nhà trường theo định hướng ứng dụng. Nhà trường cần cụ thể hóa các nhiệm vụ cần thực hiện qua việc xây dựng các chương trình hành động cụ thể từng mảng hoạt động của Nhà trường nhằm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đã đề ra. Việc xây dựng kế hoạch trung hạn và ngắn hạn cần rõ ràng và cụ thể phù hợp với chiến lược đã ban hành, đặc biệt cần làm rõ các chỉ tiêu phân đầu mang yếu tố định lượng để dễ dàng trong việc triển khai. Trong việc xây dựng kế hoạch trung hạn và ngắn hạn, cần quy hoạch và phân bổ nguồn lực (con người, tài chính và CSVC) cần thiết để thực hiện các mục tiêu đề ra. Nhà trường cần xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát việc thực thi chiến lược phát triển của Trường. Nhà trường cần thực hiện việc báo cáo sơ kết, tổng kết định kỳ đánh giá việc thực hiện các kế hoạch chiến lược của Nhà trường, làm cơ sở cho việc sửa đổi, điều chỉnh bổ sung Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường cho giai đoạn 2016-2020. Nhà trường cần định kỳ tổ chức các hội nghị, thực hiện báo cáo tổng kết đánh giá tính hiệu quả của các văn bản tổ chức và quản lý của Nhà trường. Các đơn vị chức năng của Nhà trường cần tiếp tục rà soát bổ sung, điều chỉnh hệ thống văn bản cho phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ và tính hệ thống của toàn bộ hệ thống văn bản Nhà trường. Nhà trường cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản, tiến hành phân tích đánh giá mức độ hiệu quả, xác định thực trạng thực hiện văn bản từ đó đề xuất những điều chỉnh, bổ sung và thay thế. Nhà trường cần xây dựng lộ trình cập nhật các mục nội dung và hệ thống văn bản của Nhà trường. Nhà trường cần có kế hoạch rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị, bộ phận, cá nhân thuộc Trường, cũng như triển khai việc đánh giá hiệu quả công tác ĐBCLGD theo định kỳ đối với bộ phận ĐBCLGD của Nhà trường. Nhà trường

cần ban hành quy chế hướng dẫn công tác lưu trữ và văn thư trực tuyến (cụ thể trên phần mềm quản lý văn thư), xây dựng kế hoạch và triển khai tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ chuyên viên các phòng, ban, trung tâm, văn thư các khoa về nghiệp vụ lập hồ sơ công việc và lưu trữ tài liệu tại đơn vị.

3) Chương trình đào tạo

Nhà trường nên thực hiện đánh giá, dự báo nhu cầu nhân lực để phát triển thêm các chuyên ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu nhân lực của khu vực miền Trung. Khi xây dựng CTĐT, Nhà trường cần tham khảo kỹ lưỡng các CTĐT khu vực và thế giới, xây dựng các bản đối sánh, phân tích sự tương thích với các CTĐT của khu vực, nhằm tiến tới hội nhập khu vực. Cần tham khảo nhiều hơn nữa ý kiến các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên, cũng như các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, đặc biệt về mục tiêu, chuẩn đầu ra và sự đáp ứng của CTĐT đối với nhu cầu xã hội, nhằm đảm bảo CTĐT được xây dựng đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động ở khu vực miền Trung. Nhà trường cần rà soát một số điểm trong mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, nhằm đảm bảo đo lường được và tính khả thi của CĐR. Từng đề cương chi tiết cần có chuẩn đầu ra môn học và thể hiện được sự đáp ứng của môn học đối với chuẩn đầu ra của CTĐT. Nhà trường cần tăng cường quản lý chất lượng đào tạo đối với hệ liên thông và vừa làm vừa học thông qua công tác thanh tra, kiểm tra các kỳ thi; cần khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng và hoạt động đào tạo đối với các hệ đào tạo này, nhằm luôn luôn đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hệ đào tạo. Nhà trường nên ký kết hợp tác đào tạo với các cơ sở giáo dục có uy tín trong nước và nước ngoài có cùng ngành đào tạo, tạo điều kiện cho sinh viên có thể liên thông khu vực và quốc tế. Nhà trường cũng nên hợp tác công nhận tín chỉ với các cơ sở giáo dục có cùng chuyên ngành đào tạo ở trong và ngoài nước. Cần có các văn bản chính thức thể hiện đầy đủ các điều kiện liên thông dọc, ngang cho tất cả các ngành đào tạo. Nhà trường cần triển khai tự đánh giá các CTĐT sử dụng các tiêu chí của bộ tiêu chuẩn tự đánh giá CTĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

4) Hoạt động đào tạo

Nhà trường cần tận dụng nguồn nhân lực hiện có để triển khai xây dựng và đào tạo các chuyên ngành thạc sĩ dựa trên nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương. Nhà trường nên chú trọng việc xây dựng ngân hàng đề thi để đánh giá chính xác khả năng tư duy, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của người học, đồng thời thực hiện đánh giá chất lượng đề thi. Nhà trường nên bổ sung mô-đun quản lý cơ sở dữ liệu cấp phát văn bằng, chứng chỉ của phần mềm quản lý đào tạo, nhằm hỗ trợ tìm kiếm dễ dàng thông tin người tốt nghiệp. Nhà trường cần triển khai thu thập dữ liệu thông tin về việc làm của cựu sinh viên đảm bảo số lượng mẫu khảo sát theo yêu cầu của Phụ lục 1, Công văn số 2919/BGD&ĐT-GDDH ngày 10/07/2017. Nhà trường nên rà soát lại các phiếu khảo sát nhà tuyển dụng và

cụ người học, nhằm bao quát hơn nữa về các mặt của hoạt động đào tạo, sự đáp ứng linh hoạt nhu cầu tuyển dụng; cần nâng cao số lượng mẫu khảo sát đối của người sử dụng lao động, đặc biệt là của cụ người học. Nhà trường cần tổ chức khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy đối với tất cả các học phần, chú trọng đến việc khảo sát ý kiến về tạo điều kiện cho sinh viên làm việc nhóm, về sự hài lòng của sinh viên đối với sự linh hoạt mềm dẻo của việc triển khai học chế tín chỉ.

5) Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường cần nghiên cứu, điều chỉnh chiến lược phát triển nhân lực cho phù hợp với kế hoạch và mục tiêu phát triển chung của Trường, có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng phù hợp với quy mô đào tạo trong giai đoạn sắp tới. Khi xây dựng kế hoạch tuyển dụng, ngoài việc đáp ứng nhu cầu phục vụ cho từng ngành đào tạo và lĩnh vực hoạt động, Nhà trường cần chú ý cơ cấu giảng viên cơ hữu được cân đối theo thâm niên (giảng viên có thâm niên dưới 10 năm; 10-20 năm; trên 20 năm chiếm tỷ lệ khoảng 1/3). Ngoài chính sách thu hút TS của tỉnh Quảng Bình, Nhà trường cũng điều chỉnh chế độ hỗ trợ nhằm khuyến khích giảng viên của trường đi học các chương trình đào tạo TS ở nước ngoài cũng như phấn đấu đạt học hàm PGS và GS. Nhà trường cần rà soát điều chỉnh chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích CBGV nâng cao trình độ ngoại ngữ phục vụ hiệu quả hơn trong việc nghiên cứu tài liệu khoa học nước ngoài, đi đào tạo, bồi dưỡng, tham dự báo cáo tại hội nghị/hội thảo quốc tế ở nước ngoài. Ngoài các đợt bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng chung, Nhà trường cần khảo sát nhu cầu của từng đơn vị và kỹ thuật viên, nhân viên để xây dựng kế hoạch và nội dung bồi dưỡng cho phù hợp cho từng nhóm đối tượng. Nhà trường cần tiếp tục công tác quy hoạch để sớm bổ nhiệm các vị trí quản lý còn thiếu cũng như bổ nhiệm chính thức các vị trí cấp trưởng nhằm đảm bảo công tác tổ chức quản lý được hoàn chỉnh và tạo hiệu quả trong công việc.

6) Người học

Nhà trường cần thường xuyên cập nhật các văn bản mới về quy chế đào tạo, kiểm tra và đánh giá của Bộ GD&ĐT. Công tác phối hợp giữa các Phòng chức năng và Khoa cần được thực hiện chặt chẽ hơn, đảm bảo các quy định cập nhật được phổ biến đến người học ở các kênh thông tin khác nhau của Trường. Nhà trường cần thành lập Trạm y tế với cơ cấu nhân lực theo đúng quy định hiện hành. Nhà trường nên có giải pháp thu hút sinh viên tham gia đầy đủ vào các hoạt động rèn luyện để nâng cao kỹ năng, thái độ cho người học. Nhà trường cần phân tích tình hình việc làm của tất cả ngành đào tạo và xây dựng kế hoạch, giải pháp tổng thể để gia tăng tỷ lệ có việc làm và việc làm đúng ngành đào tạo. Nhà trường nên

xem xét xây dựng quy trình phối hợp với doanh nghiệp triển khai đồng hướng dẫn thực tập và đồng hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp. Bên cạnh đó, chương trình bồi dưỡng khởi nghiệp nên được đưa vào kế hoạch thường niên của Nhà trường. Nhà trường cần tổ chức cho người học đánh giá tất cả học phần và đảm bảo tính khách quan của kết quả đánh giá.

7) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Nhà trường cần xây dựng chiến lược phát triển KHCN cho từng giai đoạn cụ thể, nêu rõ các chỉ số và chỉ tiêu cần phấn đấu cho từng giai đoạn, lên kế hoạch và lộ trình thực hiện với các mục tiêu cụ thể, xác định rõ các nguồn lực cần thiết để đáp ứng nhu cầu triển khai hiệu quả các hoạt động NCKH đã đề ra. Nhà trường cần rà soát việc thực hiện kế hoạch KHCN cho từng giai đoạn, tiến hành báo cáo, đánh giá kết quả hoạt động KHCN mỗi năm để làm căn cứ điều chỉnh và xây dựng kế hoạch cho các năm tiếp theo. Nhà trường cần xây dựng chính sách, giải pháp để khuyến khích các cán bộ GV chủ trì hoặc phối hợp tham gia với các cơ sở giáo dục khác để thực hiện đề tài NCKH các cấp, cũng như có kế hoạch phân bổ thực hiện các đề tài KHCN sử dụng nguồn kinh phí của địa phương một cách hiệu quả, mang tính ứng dụng cao, đặc biệt có giải pháp khuyến khích CBGV trẻ tham gia khoa học. Nhà trường cần có chính sách khuyến khích và đẩy mạnh việc hợp tác với các doanh nghiệp và cơ sở giáo dục trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội ở địa phương và các tỉnh lân cận, đẩy mạnh việc hợp tác chặt chẽ hơn nữa với doanh nghiệp trong NCKH để có được các đề tài thực tiễn hơn, đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội địa phương. Nhà trường cần có các giải pháp kết nối GV và SV với doanh nghiệp trong việc định hướng xây dựng đề tài khoa học từ thực tiễn doanh nghiệp, có sự tham gia của doanh nghiệp trong việc hướng dẫn các đề tài KHCN, luận văn của SV, có như vậy mới đẩy mạnh tính ứng dụng thực tiễn của các hoạt động NCKH của SV, và cũng tạo thêm năng lực tìm kiếm việc làm của người học.

8) Hoạt động hợp tác quốc tế

Nhà trường sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện việc quản lý các hoạt động cụ thể của nội dung hợp tác quốc tế và cơ chế phối hợp giữa các bộ phận trong trường về hoạt động này, quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong trường trong hoạt động hợp tác quốc tế. Đặc biệt, Nhà trường cần tuân thủ các quy định về HTQT và các hoạt động liên quan đến yếu tố nước ngoài. Trường nên đánh giá hoạt động hợp tác quốc tế trong thời gian qua, xây dựng chiến lược phát triển hợp tác quốc tế cho giai đoạn mới, cần phát huy năng lực ngoại ngữ của giảng viên tại các khoa cho việc định hướng, xúc tiến tìm kiếm đối tác, ưu tiên hợp tác xây dựng các chương trình, dự án tài trợ chung từ các tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Trường nên ban hành chính sách khuyến khích khen thưởng những cá nhân, đơn vị thành công trong việc tìm kiếm

những dự án, chương trình HTQT. Đặc biệt Nhà trường cần tập trung xây dựng các chương trình liên kết đào tạo theo mô hình 2+2, 3+1 hoặc các chương trình khác nhằm đa dạng hoạt động HTQT. Nhà trường cần thành lập các nhóm nghiên cứu là lực lượng GV trẻ, có ngoại ngữ tốt, các nhóm sinh hoạt học thuật đặc biệt tận dụng mối quan hệ với các giảng viên trẻ đã đi học ở nước ngoài với các giáo sư hàng đầu. Hơn nữa, Nhà trường cần mở các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV cũng như tổ chức giao lưu với các trường có thành tích tốt về hợp tác quốc tế nhằm giúp cán bộ giảng viên nâng cao năng lực và kinh nghiệm góp phần tích cực trong việc thực hiện chiến lược phát triển hợp tác quốc tế của trường. Hoạt động HTQT trong lĩnh vực nghiên cứu cần đa dạng và lan rộng ở quy mô toàn trường, tránh tình trạng hiện nay chỉ tập trung vào rất ít giảng viên cũng như giới hạn đối tác.

9) Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Nhà trường nên bổ sung hoàn thiện thư viện điện tử để mở rộng liên kết và chia sẻ cơ sở dữ liệu với các trung tâm, cơ sở giáo dục lớn khác và thư viện ở nước ngoài để tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, học viên cao học có thể sử dụng thư viện để học tập nghiên cứu. Cần có kế hoạch đầu tư và bổ sung thêm sách (hàng năm) tính trên tỉ lệ đầu sách/SV từng ngành; cần đảm bảo có đủ số sách tham khảo chính cho GV, SV và học viên SDH, nhất là các tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài. Thư viện cần chú trọng việc khảo sát hàng năm mức độ đáp ứng đối với yêu cầu sử dụng Thư viện của cán bộ, giảng viên, học viên Cao học và SV trong dạy, học, NCKH. Nhà trường cần có kế hoạch thực hiện cải tạo, nâng cấp các phòng học, các thiết bị đã xuống cấp; bố trí phòng làm việc cho các Tổ trưởng bộ môn, các phòng sinh hoạt chuyên môn cho các khoa.

10) Tài chính và quản lý tài chính

Nhà trường cần sớm ban hành kế hoạch và lộ trình thực hiện tự chủ tài chính với những giải pháp căn bản nhằm tăng nguồn thu, giảm sự phụ thuộc vào NSNN cấp trên cơ sở phát huy tối đa thế mạnh của Khoa, Trường và tận dụng sự hỗ trợ từ địa phương và trung ương. Nhà trường cần tăng cường thu hút sinh viên Lào, mở rộng các loại hình liên kết đào tạo; tăng cường hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ; nâng cao hiệu quả của các Trung tâm và các đơn vị. Nhà trường cần làm tốt hơn nữa công tác phân tích tài chính để xây dựng kế hoạch tự chủ tài chính hiệu quả. Đặc biệt, Nhà trường cần điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở bổ sung Nghị định 99/2014/NĐ-CP. Nhà trường cần gấp rút hoàn thiện nội dung này.